

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Hỗ trợ chi phí học tập
cho sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo
Đợt 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên.

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế về công tác người học tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét cấp Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người hệ đại học hệ chính quy học kỳ I năm học 2023-2024.

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Hỗ trợ chi phí học tập đợt 2 năm 2023 cho 193 sinh viên Đại học hệ chính quy là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang học tập tại Trường (có danh sách kèm theo), thời gian được hưởng là 01 tháng (tháng 8/2023).

Điều 2. Mức Hỗ trợ chi phí học tập cho cấp cho sinh viên là:

1.080.000 đồng x 193 sinh viên = **208.440.000 đồng.**

(Hai trăm linh tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Điều 3. Trường phòng Phòng Công tác Sinh viên, Trường phòng Phòng Đào tạo, Trường phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /

Nơi nhận: *Qu*

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, CTSV (05).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường

**BẢNG THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN
NĂM 2023**

(Kem theo QĐ.số: 3753/QĐ-ĐHSP ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP)

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
1	DTS205D140202086	Nông Thị Ngọc Ly	1.080.000	GD Tiểu học K55CLC	GD Tiểu học	
2	DTS215D140202005	Lương Thị Lệ Giang	1.080.000	GD Tiểu học K56A	GD Tiểu học	
3	DTS215D140202121	Nguyễn Thị Hạnh	1.080.000	GD Tiểu học K56A	GD Tiểu học	
4	DTS215D140202082	Hoàng Thị Ngọc Huyền	1.080.000	GD Tiểu học K56A	GD Tiểu học	
5	DTS215D140202031	Ma Thị Ly	1.080.000	GD Tiểu học K56A	GD Tiểu học	
6	DTS215D140202046	Nguyễn Thị Ngân	1.080.000	GD Tiểu học K56A	GD Tiểu học	
7	DTS215D140202193	Hoàng Thị Phương	1.080.000	GD Tiểu học K56A	GD Tiểu học	
8	DTS215D140202163	Hoàng Thu Thủy	1.080.000	GD Tiểu học K56A	GD Tiểu học	
9	DTS215D140202192	Đoàn Thị Cúc	1.080.000	GD Tiểu học K56B	GD Tiểu học	
10	DTS215D140202004	Hoàng Thị Diễm	1.080.000	GD Tiểu học K56B	GD Tiểu học	
11	DTS215D140202073	Đinh Thu Hà	1.080.000	GD Tiểu học K56B	GD Tiểu học	
12	DTS215D140202099	Lục Hà Anh Tú	1.080.000	GD Tiểu học K56B	GD Tiểu học	
13	DTS215D140202105	Chung Thị Hành	1.080.000	GD Tiểu học K56B	GD Tiểu học	
14	DTS215D140202018	Bùi Thị Ninh	1.080.000	GD Tiểu học K56B	GD Tiểu học	
15	DTS225D14020200203	Đàm Diệu Thương	1.080.000	GD Tiểu học K57A	GD Tiểu học	
16	DTS225D1402020055	Triệu Thị Hằng	1.080.000	GD Tiểu học K57A	GD Tiểu học	
17	DTS225D14020200168	Lương Thị Bích Thơ	1.080.000	GD Tiểu học K57C	GD Tiểu học	
18	DTS225D14020200141	Lò Phông Quái	1.080.000	GD Tiểu học K57C	GD Tiểu học	
19	DTS225D1402020087	Đặng Thị Mai Lan	1.080.000	GD Tiểu học K57C	GD Tiểu học	
20	DTS225D14020200108	Hoàng Ngọc Mai	1.080.000	GD Tiểu học K57C	GD Tiểu học	
21	DTS205D140202034	Lò Thị Biên	1.080.000	GD Tiểu học K55A	GD Tiểu học	
22	DTS205D140202042	Ma Đức Đặng	1.080.000	GD Tiểu học K55A	GD Tiểu học	
23	DTS205D140202064	Ma Thị Hương	1.080.000	GD Tiểu học K55A	GD Tiểu học	
24	DTS205D140202128	Nguyễn Hoài Thương	1.080.000	GD Tiểu học K55A	GD Tiểu học	
25	DTS205D140202093	Hứa Bích Ngọc	1.080.000	GD Tiểu học K55A	GD Tiểu học	
26	DTS205D140202081	Triệu Cẩm Linh	1.080.000	GD Tiểu học K55A	GD Tiểu học	
27	DTS205D140202105	Triệu Thị Phượng	1.080.000	GD Tiểu học K55A	GD Tiểu học	
28	DTS205D140202074	Triệu Thị Lan	1.080.000	GD Tiểu học K55B	GD Tiểu học	
29	DTS205D140202095	Đàm Thị Nha	1.080.000	GD Tiểu học K55B	GD Tiểu học	
30	DTS205D140202115	Triệu Thị Tàn	1.080.000	GD Tiểu học K55B	GD Tiểu học	
31	DTS205D140202027	Nông Thị Ánh Tuyết	1.080.000	GD Tiểu học K55B	GD Tiểu học	
32	DTS205D140202037	Nông Thị Châm	1.080.000	GD Tiểu học K55B	GD Tiểu học	
33	DTS205D140202144	Lê Thị Thanh Vân	1.080.000	GD Tiểu học K55B	GD Tiểu học	
34	DTS205D140205002	Ly A Chông	1.080.000	GD Chính trị K55	GD Chính trị	
35	DTS215D140205006	Dương Thị Thúy	1.080.000	GD Chính trị K56	GD Chính trị	
36	DTS215D140205022	Giàng Cường	1.080.000	GD Chính trị K56	GD Chính trị	
37	DTS215D140205003	Lê Thúy Kiều Trang	1.080.000	GD Chính trị K56	GD Chính trị	
38	DTS225D1402050024	Lý Thị Xuân	1.080.000	GD Chính trị K57	GD Chính trị	
39	DTS225D1402050027	Giàng Dìn	1.080.000	GD Chính trị K57	GD Chính trị	
40	DTS225D1402110023	Hoàng Tồn Liễu	1.080.000	SP Vật lý K57	Vật Lý	
41	DTS205D140201115	Hoàng Thủy Tiên	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
42	DTS205D140201098	Tráng Thị Sông	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
43	DTS205D140201031	Lục Thái Hà	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
44	DTS205D140201018	Đàm Thị Ánh	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	

Que HTS

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
45	DTS205D140201096	Vi Thị Quỳnh	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
46	DTS205D140201085	Lý Thị Thu Phương	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
47	DTS205D140201089	Lý Bích Phượng	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
48	DTS205D140201082	Mông Thị Hồng Nhung	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
49	DTS205D140201078	Nông Thị Hồng Ngọc	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
50	DTS205D140201077	Tòng Thị Nghệ	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
51	DTS205D140201043	Poông Thị Hoài	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
52	DTS205D140201073	Mào Thị Nga	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
53	DTS205D140201060	Điền Thị Lê	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
54	DTS205D140201039	Hoàng Thu Hiếu	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
55	DTS205D140201035	Triệu Thị Hằng	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
56	DTS205D140201002	Nông Thị Lan Anh	1.080.000	GD Mầm non K55B	GD Mầm non	
57	DTS205D140201099	Lò Thị Sum	1.080.000	GD Mầm non K55A	GD Mầm non	
58	DTS205D140201091	Bạc Thị Hương Quỳnh	1.080.000	GD Mầm non K55A	GD Mầm non	
59	DTS205D140201079	Triệu Thị Nhân	1.080.000	GD Mầm non K55A	GD Mầm non	
60	DTS205D140201030	Giàng Thị Gùa	1.080.000	GD Mầm non K55A	GD Mầm non	
61	DTS205D140201038	Quảng Thị Hậu	1.080.000	GD Mầm non K55A	GD Mầm non	
62	DTS205D140201046	Lưu Thị Huệ	1.080.000	GD Mầm non K55A	GD Mầm non	
63	DTS215D140201084	Phạm Thủy Dương	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
64	DTS215D140201060	Hà Thị Hằng	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
65	DTS215D140201002	Ma Thị Hoa	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
66	DTS215D140201079	Thắm Thị Hoài	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
67	DTS215D140201065	Vừ Thị Ny	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
68	DTS215D140201099	Lò Thị Oanh	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
69	DTS215D140201057	Lò Thị Thúy	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
70	DTS215D140201016	Giàng Thị Xi	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
71	DTS215D140201096	Chu Thị Hải Xuân	1.080.000	GD Mầm non K56A	GD Mầm non	
72	DTS215D140201046	Triệu Ngọc Ánh	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
73	DTS215D140201082	Lò Thị Bình	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
74	DTS215D140201053	Hồ Thị Dí	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
75	DTS215D140201083	Vừ Thị Dung	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
76	DTS215D140201021	Hoàng Thị Hoài	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
77	DTS215D140201047	Lý Thị Thu Huyền	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
78	DTS215D140201069	Cà Thị Hợp	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
79	DTS215D140201054	Lý Kiều Loan	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
80	DTS215D140201094	Hà Thị Mai	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
81	DTS215D140201026	Quảng Thị Thảo	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
82	DTS215D140201036	Vàng Thị Thên	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
83	DTS215D140201027	Đinh Thị Thanh Tuyền	1.080.000	GD Mầm non K56B	GD Mầm non	
84	DTS225D140201001	Hà Phương Anh	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
85	DTS225D1402010019	Vi Thị Đạt	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
86	DTS225D1402010040	Bàn Thanh Giang	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
87	DTS225D1402010073	Lưu Thị Hường	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
88	DTS225D14020100118	Triệu Thị Ninh	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
89	DTS225D14020100112	Triệu Thị Thu Nhung	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
90	DTS225D14020100130	Mã Thị Thắm	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
91	DTS225D14020100154	Trần Thị Thủy Trang	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
92	DTS225D14020100142	Mông Thị Diệu Thơm	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
93	DTS225D14020100148	Mông Thị Thủy Tiên	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
94	DTS225D14020100166	Lò Thị Phương Vi	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
95	DTS225D14020100163	Vương Hồng Vân	1.080.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	

Chữ ký

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
96	DTS225D1402010014	Mạc Thắm Chi	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
97	DTS225D1402010020	Vàng Thị Dénh	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
98	DTS225D1402010023	Đoàn Hồng Diễm	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
99	DTS225D1402010044	Lò Thị Hà	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
100	DTS225D1402010053	La Mỹ Hào	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
101	DTS225D1402010050	Nguyễn Thị Hạnh	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
102	DTS225D1402010089	Vương Thị Lua	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
103	DTS225D1402010098	Phùng Tả Mây	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
104	DTS225D14020100113	Dương Thị Hồng Nhung	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
105	DTS225D14020100119	Hoàng Thị Oanh	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
106	DTS225D14020100146	Sầm Thu Thủy	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
107	DTS225D14020100161	Lò Thị Tuyết	1.080.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
108	DTS225D140201009	Đàm Thùy Biên	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
109	DTS225D1402010015	Đinh Yến Chi	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
110	DTS225D1402010021	Nguyễn Thị Diễm	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
111	DTS225D1402010045	Nguyễn Thị Hải	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
112	DTS225D1402010078	Triệu Thị Lanh	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
113	DTS225D14020100129	Lò Thị Tâm	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
114	DTS225D14020100153	Lương Thị Huyền Trang	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
115	DTS225D14020100168	Lục Thị Xuân	1.080.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
116	DTS225D1402090072	Triệu Thị Nhung	1.080.000	SP Toán học K57A	Toán	
117	DTS225D1402090013	Lý Thị Đá	1.080.000	SP Toán học K57B	Toán	
118	DTS205D140209111	Nông Như Tuấn	1.080.000	SP Toán học K55B	Toán	
119	DTS205D140210003	Triệu Thị Thủy	1.080.000	SP Tin học K55	Toán	
120	DTS215D140213013	Bế Thị Nguyệt Nga	1.080.000	SP Sinh học K56	Sinh học	
121	DTS225D140213005	Hàng Thị Bầu	1.080.000	SP Sinh học K57	Sinh học	
122	DTS215D140217038	Nguyễn Thị Hậu	1.080.000	SP Ngữ văn K56B	Ngữ Văn	
123	DTS215D140217074	Hoàng Thị Thu	1.080.000	SP Ngữ văn K56B	Ngữ Văn	
124	DTS215D140217096	Giàng Thị Nhanh	1.080.000	SP Ngữ văn K56B	Ngữ Văn	
125	DTS215D140217084	Lâm Như Quỳnh	1.080.000	SP Ngữ văn K56B	Ngữ Văn	
126	DTS215D140217054	Lê Hải Yến	1.080.000	SP Ngữ văn K56B	Ngữ Văn	
127	DTS205D140217043	Hoàng Thị Nhị	1.080.000	SP Ngữ văn K55	Ngữ Văn	
128	DTS205D140217067	Nông Thị Vân	1.080.000	SP Ngữ văn K55	Ngữ Văn	
129	DTS205D140217039	Thắm Thị Hồng Ngân	1.080.000	SP Ngữ văn K55	Ngữ Văn	
130	DTS215D140217002	Nông Thị Dung	1.080.000	SP Ngữ văn K56A	Ngữ Văn	
131	DTS215D140217018	Lâm Thị Hường	1.080.000	SP Ngữ văn K56A	Ngữ Văn	
132	DTS215D140217014	Nông Thị Bích Thu	1.080.000	SP Ngữ văn K56A	Ngữ Văn	
133	DTS215D140217102	Phản Láo Lở	1.080.000	SP Ngữ văn K56A	Ngữ Văn	
134	DTS215D140217010	Phùng Thị Thảo	1.080.000	SP Ngữ văn K56A	Ngữ Văn	
135	DTS205D140217044	Nông Thị Như	1.080.000	SP Ngữ văn K55	Ngữ Văn	
136	DTS205D140217017	Nguyễn Lương Hương Giang	1.080.000	SP Ngữ văn K55	Ngữ Văn	
137	DTS215D140206022	Hà Văn Quyết	1.080.000	GD Thể chất K56	Thể dục - Thể thao	
138	DTS215D140206013	Đàm Long Vũ	1.080.000	GD Thể chất K56	Thể dục - Thể thao	
139	DTS215D140206010	Hoàng Dương Bình	1.080.000	GD Thể chất K56	Thể dục - Thể thao	
140	DTS225D140206008	Sùng A Doanh	1.080.000	GD Thể chất K57	Thể dục - Thể thao	
141	DTS205D140206006	Lý Thị Hiền	1.080.000	GD Thể chất K55	Thể dục - Thể thao	
142	DTS215D140206009	Hà Sĩ Tùng	1.080.000	GD Thể chất K56	Thể dục - Thể thao	
143	DTS215D140231055	Hoàng Thị Xuân	1.080.000	SP Tiếng Anh K56A	Ngoại ngữ	
144	DTS215D140231012	Triệu Thị Mai Phương	1.080.000	SP Tiếng Anh K56C	Ngoại ngữ	
145	DTS215D140231074	Triệu Thị Phương	1.080.000	SP Tiếng Anh K56B	Ngoại ngữ	
146	DTS215D140231110	Hoàng Thị Kiều	1.080.000	SP Tiếng Anh K56B	Ngoại ngữ	

Qua-ts

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
147	DTS215D140231026	Phan Kim Thùy	1.080.000	SP Tiếng Anh K56B	Ngoại ngữ	
148	DTS205D140231020	Vàng Thị Bảy	1.080.000	SP Tiếng Anh K55A	Ngoại ngữ	
149	DTS205D140231060	Tráng Thị Hồng Nhung	1.080.000	SP Tiếng Anh K55A	Ngoại ngữ	
150	DTS205D140231051	Lý Cá Mù	1.080.000	SP Tiếng Anh K55A	Ngoại ngữ	
151	DTS225D1402170090	Phan Thị Hoài Thương	1.080.000	SP Ngữ văn K57B	Ngữ Văn	
152	DTS225D1402310090	Ma Thị Xuyên	1.080.000	SP Tiếng Anh K57B	Ngoại Ngữ	
153	DTS225D1402310029	Đặng Thị Khe	1.080.000	SP Tiếng Anh K57A	Ngoại Ngữ	
154	DTS225D1402310051	Lý Minh Nguyệt	1.080.000	SP Tiếng Anh K57A	Ngoại Ngữ	
155	DTS225D1402310053	Nguyễn Thị Yến Nhi	1.080.000	SP Tiếng Anh K57A	Ngoại Ngữ	
156	DTS225D140212001	Triệu Thị Anh	1.080.000	SP Hóa học K57	Hóa Học	
157	DTS225D140218003	Lý Kim Chi	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
158	DTS225D1402180035	Sầm Thị Thủy	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
159	DTS225D1402180010	Bùi Đức Giang	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
160	DTS225D140218008	Lương Ngọc Duyên	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
161	DTS225D1402180034	Đặng Thị Thương	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
162	DTS225D1402180038	Hoàng Thị Kiều Trinh	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
163	DTS225D1402180036	Bế Quỳnh Trang	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
164	DTS225D1402180022	Hàng A Lù	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
165	DTS225D1402180039	Lý Thị Uyên	1.080.000	SP Lịch sử K57	Lịch Sử	
166	DTS215D140218018	Triệu Thị Mai	1.080.000	SP Lịch sử K56	Lịch Sử	
167	DTS215D140218031	Giàng A Sừ	1.080.000	SP Lịch sử K56	Lịch Sử	
168	DTS205D140218039	Nông Thị Phương	1.080.000	SP Lịch sử K55	Lịch Sử	
169	DTS205D140218034	Thào Thị Sáng	1.080.000	SP Lịch sử K55	Lịch Sử	
170	DTS205D140218002	Sùng A Cho	1.080.000	SP Lịch sử K55	Lịch Sử	
171	DTS205D140219018	Nịnh Hồng Nhung	1.080.000	SP Địa lý K55	Địa Lý	
172	DTS205D140219020	Phan Thị Nhung	1.080.000	SP Địa lý K55	Địa Lý	
173	DTS205D140219029	Hà Thị Tổ Uyên	1.080.000	SP Địa lý K55	Địa Lý	
174	DTS215D140219036	Bàn Thị Hà	1.080.000	SP Địa lý K56	Địa Lý	
175	DTS215D140219008	Bàn Thị Kim Chi	1.080.000	SP Địa lý K56	Địa Lý	
176	DTS215D140219006	Ma Thị Hương Quỳnh	1.080.000	SP Địa lý K56	Địa Lý	
177	DTS215D140219012	Nông Hồng Mai	1.080.000	SP Địa lý K56	Địa Lý	
178	DTS225D1402190038	Hà Anh Tuấn	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
179	DTS225D140219002	Lăng Thị Ngọc Ánh	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
180	DTS225D140219008	Mã Thế Duyệt	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
181	DTS225D1402190018	Nguyễn Phương Loan	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
182	DTS225D1402190044	Lý Thị Hồng	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
183	DTS225D1402190051	Hồ Thị Nu	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
184	DTS225D1402190031	Nông Thị Tầm	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
185	DTS225D1402190047	Lý Thị Thu Phương	1.080.000	SP Địa lý K57	Địa Lý	
186	DTS225D1402490018	Luân Thị Lan	1.080.000	SP Lịch sử - Địa lý K57	Địa Lý	
187	DTS225D140249004	Hầu Văn Ánh	1.080.000	SP Lịch sử - Địa lý K57	Địa Lý	
188	DTS225D1402490038	Bùi Thanh Phúc	1.080.000	SP Lịch sử - Địa lý K57	Địa Lý	
189	DTS225D1402490057	Lù Thị Xư	1.080.000	SP Lịch sử - Địa lý K57	Địa Lý	
190	DTS225D1402490051	Hà Tiến Tôn	1.080.000	SP Lịch sử - Địa lý K57	Địa Lý	
191	DTS215D140101034	Tường Thị Lam Trang	1.080.000	SP Tâm lý GD K56	Tâm lý GD	
192	DTS215D310403029	Triệu Quý Vọng	1.080.000	Tâm lý học trường học K56	Tâm lý GD	
193	DTS225D310403002	Luân Thị Hoa	1.080.000	Tâm lý học giáo dục K57	Tâm lý GD	
TỔNG			208.440.000	x	x	x

Ấn định danh sách: 193 Sinh viên

HS Cam